ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2016/QĐ-UBND	*Bình Dương , ngày 19 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND9 ngày 12/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020;

Theođề nghị của Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 57a/TTr-SKHĐT ngày 18/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, giao các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố xây dựng các kế hoạch, chương trình cụ thể thực hiện theo đúng Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/9/2016./.

.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2016 – 2020.

2. Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020.

3. Các Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng Đông Nam bộ.

4. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, các sản phẩm chủ yếu của tỉnh đến năm 2020 đã được phê duyệt.

5. Văn bản số 5316/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020.

6. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020.

7. Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015.

II. NHỮNG THUẬN LỢI - KHÓ KHĂN

Thuận lợi, những kết quả đạt được trong thời gian qua, cùng với sự đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, điều hành là nền tảng, động lực quan trọng để các ngành, các cấp cùng toàn thể nhân dân và doanh nghiệp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong giai đoạn 2011 – 2015.

Kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh; tự do hóa thương mại giữa các khu vực được ký kết và việc hình thành Cộng đồng chung ASEAN sẽ thúc đẩy thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư giữa các bên tham gia.

Khó khăn, khủng hoảng chính trị, căng thẳng về an ninh, tranh chấp chủ quyền tại nhiều khu vực trên thế giới, cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt.

Một số hạn chế yếu kém, tồn tại nhiều năm nhưng rất khó sớm khắc phục như quy mô kinh tế còn nhỏ, cơ cấu nội bộ ngành còn chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng còn thấp; khu vực dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa thông suốt. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu; trình độ công nghệ sản xuất hàng hóa xuất khẩu còn hạn chế; khả năng ứng dụng công nghệ mới còn chậm, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển... đây là những thách thức lớn trong quá trình phát triển.

Những bức xúc trong quan hệ lao động, trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tình hình tội phạm… cũng tiềm ẩn những nguy cơ làm mất ổn định an ninh trật tự xã hội, ảnh hưởng đến môi trường kinh tế của tỉnh.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu

Tập trung nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng quy mô nền kinh tế, đảm bảo phát triển bền vững và tăng trưởng hợp lý. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ - công nghiệp gắn với quá trình đô thị hóa, đầu tư phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của người dân. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Bình Dương trở thành đô thị văn minh, giàu đẹp, là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020.

2. Chỉ tiêu chủ yếu 05 năm 2016 - 2020

*** Chỉ tiêu về kinh tế:**

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng bình quân 8,3%/năm;

- Cơ cấu kinh tế (GRDP) của tỉnh đến năm 2020 công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp - thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tương ứng đạt 63,2% - 26% - 3% - 7,8%;

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 8,7%/năm;

- GRDP bình quân đầu người đạt 142,6 triệu đồng;

- Thu ngân sách tăng 8,9%/năm;

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 35% GRDP;

- Thu hút đầu tư nước ngoài đạt trên 07 tỷ đô la Mỹ;

- Tỷ lệ hộ dân trên địa bàn được sử dụng điện đạt 99,97%.

*** Chỉ tiêu về xã hội:**

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 70-75% (tính trên hệ thống trường công lập);

- Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi là dưới 8,5%;

- Duy trì mức sinh thay thế vững chắc;

- Duy trì 100% xã, phường, thị trấn có bác sĩ phục vụ;

- Bình quân 01 vạn dân có 27 giường bệnh[1] và 7,5 bác sỹ;

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%;

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%;

- Hàng năm giải quyết việc làm 45.000 lao động;

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh giảm hàng năm, đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 82%;

- Diện tích nhà ở bình quân đạt 30 m^2/người.

- Đạt 100% số xã và 3 đến 4 huyện, thị đạt chuẩn nông thôn mới.

*** Chỉ tiêu về môi trường**

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 90%;

- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đạt 100%;

- Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100%;

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%;

- Tỷ lệ độ che phủ rừng, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đạt 57,5%.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

***VỀ KINH TẾ**

1. Phát triển công nghiệp

- Phấn đấu đến năm 2020, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp lớn, từng bước trở thành thành phố công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại.

[1]Không tính số giường bệnh tuyến xã

- Đẩy mạnh tái cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp có hàm lượng giá trị gia tăng cao, sạch, thân thiện với môi trường, nâng dần tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm xuất khẩu, giảm dần các ngành sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản và lao động phổ thông.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ;khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn: điện, điện tử, viễn thông, tin học, cơ khí, hoá chất,…

- Phát triển công nghiệp gắn với hình thành các khu vực dịch vụ - đô thị, xây dựng nhà ở công nhân và đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

- Xây dựng lộ trình chuyển đổi công năng các khu, cụm công nghiệp phía Nam theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, sử dụng ít lao động, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, dịch vụ; khuyến khích phát triển công nghiệp phía Bắc gắn với xây dựng nông thôn mới, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, gắn với phát triển các vùng nguyên liệu. Tập trung triển khai các khu công nghiệp đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phát triển các ngành dịch vụ

- Phấn đấu tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm khoảng 26% trong cơ cấu kinh tế, tăng trưởng giá trị ngành dịch vụ đạt 10,2%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 18%/năm; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt 15%/năm.

- Tập trung phát triển các ngành, sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp, đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, tiến tới hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát triển mạnh một số ngành dịch vụ như: Thương mại điện tử, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, bất động sản, đào tạo nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện dịch vụ mũi nhọn nhằm hỗ trợ tối đa ngành công nghiệp của tỉnh như dịch vụ kho, cảng, vận tải chuyên dùng, cung ứng lao động…

- Đẩy mạnh công tác quản lý theo quy hoạch, kêu gọi đầu tư hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ như: Các trung tâm tài chính, ngân hàng, siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Thủ Dầu Một và trung tâm thương mại cấp khu vực tại khu vực phía Nam của tỉnh. Xây dựng các trung tâm thương mại tại đô thị Nam Bến Cát, Nam Tân Uyên theo hướng hiện đại gắn với phát triển các đô thị mới.

- Phát triển thương mại theo hướng nhiều thành phần kinh tế tham gia, chú trọng đến phát triển thương mại điện tử, trung tâm phân phối, siêu thị đầu mối các sản phẩm có lợi thế của tỉnh nhằm khuyến khích hoạt động thương mại nhanh hơn, hiệu quả hơn.

- Chú trọng công tác quy hoạch sắp xếp lại theo hướng văn minh, tập trung các loại hình dịch vụ bán lẻ, hàng nhu yếu phẩm…gần các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị nhằm góp phần giải quyết vấn đề an ninh, trật tự và mỹ quan đô thị. Tiếp tục nâng cấp, phát triển mạng lưới chợ phục vụ việc bán buôn, bán lẻ đến các vùng nông thôn.

- Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ sản phẩm đến các tỉnh, thành trong nước; tăng cường thực hiện các hoạt động đẩy mạnh thực hiện chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, tăng cường kiểm soát giá cả, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; đẩy mạnh thực hiện các chương trình bình ổn, kiểm soát thị trường, kiềm chế lạm phát, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu và nguồn nguyên liệu đầu vào cung ứng trong nước.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu, để tiêu thụ hàng hoá, định hướng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký thương hiệu sản phẩm trên các thị trường xuất khẩu. Củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa tại các thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng. Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường nước ngoài thông qua lộ trình cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường đã ký các thoả thuận tự do thương mại.

- Huy động vốn trong nền kinh tế tăng bình quân 17,5%/năm; Dư nợ tín dụng tăng 15,5%/năm; Nợ xấu được kiểm soát dưới 3%. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; khuyến khích các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; sắp xếp lại tổ chức và hoạt động các loại quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

- Từng bước nâng cao tỷ trọng ngành du lịch nói riêng và dịch vụ nói chung trong cơ cấu kinh tế của tỉnh thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Bình Dương, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh địa phương và con người Bình Dương. Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của tỉnh, đặc biệt là du lịch sinh thái dọc tuyến sông Sài Gòn, Đồng Nai, quần thể núi Cậu huyện Dầu Tiếng và các điểm du lịch văn hóa, lịch sử của tỉnh.

3. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Phấn đấu giá trị gia tăng ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng bình quân đạt 2,5%/năm. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp/ha, với mục tiêu đạt giá trị sản xuất khoảng 80-100 triệu đồng/ha/năm vào năm 2020; riêng nông nghiệp công nghệ cao bình quân/ha canh tác/năm đạt từ 150-200 triệu đồng.

- Tăng cường công tác khuyến nông, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học. Phát triển cây ăn quả đặc sản ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; phát triển các khu nông nghiệp áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao, các vùng nông nghiệp đô thị và cây ăn quả đặc sản.

- Đẩy mạnh ngành chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ, chăm sóc, phát triển rừng, nhất là rừng lịch sử, rừng phòng hộ. Tăng tỷ lệ cây xanh che phủ nhằm cải thiện môi trường sinh thái, cảnh quan du lịch. Đến năm 2020, tỷ lệ độ che phủ rừng, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đạt 57,5%.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ phù hợp từng khu vực nông thôn. Xây dựng các khu dân cư nông thôn, có một số điều kiện theo kiểu đô thị hóa. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương tình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục giữ vững, duy trì mức độ hoàn thành và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Phấn đấu 100% số xã và 3 - 4 huyện, thị đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Thu nhập bình quân của dân cư nông thôn đạt trên 59 triệu đồng/người/năm.

4. Tài nguyên, môi trường

- Đến năm 2020, hoàn thành 100% việc cấp giấy chứng nhận, tiến hành giao đất, thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch được phê duyệt; xử lý triệt để 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đảm bảo không để phát sinh trường hợp mới; 100% các dự án đầu tư mới phải có hệ thống xử lý và bảo vệ môi trường; 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 100%; 100% các cơ sở mới sản xuất - kinh doanh phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường quản lý và phát triển thị trường bất động sản, quản lý chặt chẽ không để xảy ra tình trạng phân lô bán nền trái quy hoạch.

- Từng bước chấm dứt tình trạng thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trái phép và tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; bảo đảm khai thác hài hòa giữa nguồn nước mặt và nước ngầm.

- Nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng; thực hiện tốt công tác dự báo, quy hoạch nhằm hạn chế tối đa tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven sông Sài Gòn và sông Đồng Nai; giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và khắc phục tình trạng ngập lụt.

- Hạn chế tối đa việc thu hút đầu tư sản xuất ngoài khu công nghiệp, có biện pháp rà soát, quản lý chặt chẽ các ngành nghề có mức độ ô nhiễm môi trường cao kể cả trong và ngoài khu công nghiệp.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thanh, kiểm tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm các quy hoạch, các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường; cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin môi trường phục vụ phát triển kinh tế xã hội và công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

- Xử lý triệt để những cơ sở gây ô nhiễm môi trường; hoàn thành di dời những cơ sở gây ô nhiễm đan xen trong các khu dân cư.

5. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng và phát triển đô thị

a. Về quy hoạch

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy định về công tác quy hoạch; tập trung triển khai phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới. Khắc phục tình trạng thiếu thống nhất, chồng chéo, bất hợp lý giữa các loại quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, quy hoạch, thiết kế đô thị. Từng bước đồng bộ hóa quy định về quản lý đô thị theo mô hình chính quyền đô thị văn minh, hiện đại. Có phương án quy hoạch lại vị trí cơ quan nhà nước sau khi di dời vào Trung tâm Hành chính để chuyển đổi công năng tạo nên các điểm nhấn đô thị và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Triển khai thực hiện tốt quan điểm, mục tiêu theo chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 – 2020.

- Quy hoạch, xây dựng các công trình hạ tầng chợ bán buôn, bán lẻ hướng đến nâng cao mỹ quan đô thị, giữ gìn trật tự an ninh tại khu vực các khu, cụm công nghiệp góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

b. Xây dựng hệ thống hạ tầng

- Huy động các nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh theo hướng hạ tầng giao thông vận tải phải đi trước một bước nhằm gắn kết các đầu mối giao thông trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Lựa chọn những dự án quan trọng tạo sự đột phá và có sức lan toả lớn để đầu tư, bảo đảm sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước và gắn với lộ trình nâng cấp đô thị tạo điều kiện đưa Bình Dương trở thành đô thị loại I trước năm 2020 theo hướng thông minh, hiện đại, thông thoáng.

- Thực hiện một số dự án quan trọng với phương thức đầu tư đối tác công - tư (PPP), xã hội hóa như: Mở rộng suối Cái, cải tạo sông Thị Tính, xây dựng hệ thống dẫn nước từ kênh Phước Hòa, cầu Bạch Đằng 2, đường Thủ Biên - Đất Cuốc, các đập Thanh An, Mỹ Phước, Cua Pari, các trung tâm hành chính và bệnh viện của huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Đại học Thủ Dầu Một, đường nối từ đường Tạo lực 2B đến cảng Thạnh Phước…Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cùng với nhà nước đầu tư các tuyến đường giao thông quan trọng như trục giao thông Mỹ Phước - Tân Vạn - Bàu Bàng, ĐT 747B, ĐT 746, đường ĐT 743 (đoạn Miễu Ông Cù - Sóng Thần); đường Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng…

- Phát triển mạnh giao thông công cộng chuẩn bị cho quá trình kết nối với thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là hệ thống metro kết nối từ Suối Tiên (bến xe Miền Đông mới - khu đô thị mới Bình Dương - Đồng Nai và tuyến xe buýt xung quanh thành phố Thủ Dầu Một - khu đô thị mới - Suối Tiên thành phố Hồ Chí Minh.

- Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư phát triển dịch vụ logistics, xây dựng hạ tầng cảng sông, kho bãi và các dịch vụ tổng hợp, hạ tầng thương mại dịch vụ cao cấp và hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch.

- Từng bước nghiên cứu ngầm hóa hệ thống điện trung, hạ thế khu vực đô thị tập trung phía Nam; đảm bảo nguồn điện cung cấp ổn định, an toàn, liên tục. Ngầm hóa hệ thống cáp truyền thông tin trên toàn đô thị Bình Dương, tiến hành quy hoạch bó cáp điện thoại trong nội ô thành phố Thủ Dầu Một và các thị xã.

- Đầu tư xây dựng các nhà máy nước đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt; đầu tư, khai thác hiệu quả tuyến dẫn nước kênh thủy lợi Phước Hòa để cung cấp cho đô thị, công nghiệp và nông nghiệp. Tiếp tục triển khai đề án cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường Nam Bình Dương. Đấu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung đô thị.

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới, đặc biệt là nhà ở xã hội, giáo dục và y tế. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu đô thị đại học Cổng Xanh để thu hút các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế đến đầu tư phát triển. Tập trung hình thành và phát triển từ 2-3 cơ sở đào tạo nghề có quy mô lớn, chất lượng đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và vùng.

c. Về phát triển đô thị

- Rà soát và huy động đa dạng các nguồn vốn để đầu tư các công trình đáp ứng tiêu chí nâng cấp đô thị như: Giao thông, cấp điện, cấp - thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nội thị, nhà tang lễ, cây xanh,... hoàn thành mục tiêu đưa Bình Dương trở thành đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 82%; diện tích nhà ở bình quân đạt 30m^2/người; tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100%.

- Phát triển đô thị Bình Dương sẽ theo 3 khu vực đô thị: Đô thị trung tâm (thành phố Thủ Dầu Một, đô thị Nam Tân Uyên, Bến Cát), Đô thị phía Nam (thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An) và Đô thị phía Bắc (các huyện Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên); kết hợp đồng bộ giữa hệ thống đô thị trung tâm với hệ thống đô thị vệ tinh, thị trấn, trung tâm xã, phường.

- Đầu tư các tuyến đường chính kết nối giữa các tuyến đối ngoại với trung tâm đô thị với các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn. Phát triển hệ thống đường cấp huyện, xã đồng bộ kết nối với các hệ thống đường đô thị và kết nối với đường đối ngoại, vành đai nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống giao thông.

- Triển khai các điều kiện cơ bản để đưa Bình Dương hướng đến lộ trình trở thành một Thành phố Thông minh trong thời gian tới.

6. Phát triển doanh nghiệp

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có 35.000 – 40.000 doanh nghiệp, số vốn đăng ký khoảng 248 nghìn tỷ đồng. Triển khai, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp để tạo điều kiện thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, quốc gia khởi nghiệp.

- Nghiên cứu, vận dụng và chủ động đón đầu các lợi thế khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được phê chuẩn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh mở rộng sản xuất cũng như tạo lợi thế tuyệt đối trong thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các Tổng công ty theo đúng lộ trình chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát triển các mô hình hợp tác xã liên doanh, liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh đa dạng về ngành nghề. Khuyến khích tổ hợp tác phát triển trong tất cả các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy và tạo điều kiện liên kết giữa các hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác. Thu hút 80% nông dân tham gia các hình thức kinh tế tập thể hoặc sử dụng dịch vụ của các tổ hợp tác; Thu nhập bình quân trong khu vực hợp tác xã đến năm 2020 đạt 75 triệu đồng/người/năm.

7. Ngân sách, tài chính, tín dụng

- Thu ngân sách hàng năm tăng bình quân 8,9%, dự kiến tổng thu ngân sách 5 năm 2016-2020 đạt 223.500 tỷ đồng; Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách bền vững của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan. Tăng cường quản lý kê khai thuế, kiểm tra, đôn đốc quyết toán thuế, thực hiện thu nộp vào ngân sách nhà nước đầy đủ kịp thời. Đẩy mạnh việc khai thác nguồn thu sử dụng đất.

- Tổng chi ngân sách tăng bình quân hàng năm 7,9%, dự kiến 5 năm 2016 - 2020 đạt 81.700 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng 36%; Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, tiết kiệm, hiệu quả theo dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm; hạn chế tối đa việc bổ sung các khoản chi không cần thiết nằm ngoài dự toán đầu năm.

*** VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI**

1. Đảm bảo an sinh xã hội, xóa nghèo, dạy nghề và giải quyết việc làm

- Huy động các nguồn lực thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm lo các đối tượng chính sách, người có công cách mạng, đối tượng xã hội, hộ nghèo; đảm bảo người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống vùng dân cư nơi cư trú; điều chỉnh trợ cấp kịp thời cho người có công; thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội nhất là ma túy, mại dâm.

- Giữ vững danh hiệu 100% xã, phường làm tốt công tác hỗ trợ thương binh liệt sĩ và người có công. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em đạt 100% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí của tỉnh từ 0,3% đến 0,5%/năm; đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh dưới 1%. Thực hiện công tác giảm nghèo hiệu quả và bền vững, chủ yếu hỗ trợ người nghèo có việc làm và tạo ra thu nhập ổn định để từng bước thoát nghèo, chống tái nghèo.

- Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 45.000 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% vào năm 2020, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 30% (Đào tạo nghề, dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp chiếm 54,9%; Trình độ trung cấp chiếm 27,9%; Cao đẳng chiếm 13,1%; Đại học trở lên chiếm 4,1%). Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động, nhất là lao động nông thôn.

- Gắn mục tiêu đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh với nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp.Đầu tư trang thiết bị cho các trường nghề theo chuẩn quy định, trong đó có một số trường nghề chất lượng cao.

2. Chăm sóc sức khoẻ nhân dân

- Đạt mức giảm sinh 0,1‰ đến năm 2020; Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/gái) đạt 106/100 đến cuối năm 2020; Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi đạt 8,7%; Bình quân 1 vạn dân có 27 giường bệnh và 7,5 bác sỹ (không tính số giường bệnh tuyến xã); Có 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Chú trọng phát triển kỹ thuật đạt trình độ chuyên sâu, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và quy mô giường bệnh nhằm nâng hạng bệnh viện. Hoàn thành và đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường và triển khai xây dựng các bệnh viện chuyên khoa, nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực; tăng cường đầu tư trang thiết bị, áp dụng kỹ thuật cao trong khám và điều trị.

- Triển khai có hiệu quả các Đề án của ngành Y tế, nhất là Đề án liên doanh, liên kết với Đại học Y Dược và Bệnh viện Chợ Rẫy - Thành phố Hồ Chí Minh về công tác khám chữa bệnh, đào tạo ngắn hạn, chuyển giao công nghệ và thực hiện các dịch vụ y khoa chất lượng cao.

- Triển khai thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tiếp tục củng cố, ngày càng hoàn thiện mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh. Tích cực áp dụng kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh. Triển khai hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 3107/QĐ-BYT ngày 28/06/2016 của Bộ Y tế.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cộng đồng; khống chế, không để xảy ra dịch bệnh; chủ động phòng, chống các loại bệnh không lây và các vấn đề sức khỏe phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, nhất là đầu tư các cơ sở dịch vụ chất lượng cao để góp phần chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

3. Giáo dục và Đào tạo

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp đạt 70-75% (tính trên hệ thống trường công lập); trên 90% số trẻ đạt chuẩn phát triển, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì trong các trường mầm non dưới 10%; giữ vững tỷ lệ 100% học sinh tiểu học được học ngoại ngữ từ lớp 1, 75% - 80% học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Phát triển giáo dục đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực và đào tạo nhân tài - cung cấp kịp thời và theo yêu cầu số lượng và chất lượng lao động cho nền kinh tế.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục ở các ngành học, cấp học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để tăng thêm nguồn lực đầu tư. Quan tâm đầu tư xây dựng trường học mới đồng bộ theo chuẩn quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học.

- Xây dựng các chương trình đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho giáo viên bằng nhiều hình thức nhằm từng bước chuẩn hoá đội ngũ giáo viên. Chú trọng việc bồi dưỡng giáo viên về các kỹ năng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Từng bước triển khai dạy các môn tự nhiên bằng tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông chất lượng cao của tỉnh.

- Phát triển mạnh mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Phát triển mạnh mạng lưới giáo dục chuyên nghiệp; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực theo yêu cầu xã hội.

4. Văn hóa, thể thao

- Đến năm 2020 có 100% huyện, thị xã, thành phố đầu tư hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản; 70-80% xã, phường, thị trấn cơ bản có thiết chế văn hóa, thể thao. Hàng năm có trên 96% gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa".

- Xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá ở các khu dân cư, các khu, cụm công nghiệp. Từng bước hình thành khu văn hóa, thể thao mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, là nơi quảng bá và giao lưu văn hóa, thể thao, tương xứng là một thành phố trực thuộc Trung ương, hiện đại, văn minh của cả nước vào năm 2020.

- Phát huy giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội; xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các mô hình, đề án về công tác gia đình.

- Tiếp tục phát triển phong trào thể thao quần chúng, thực hiện các nội dung của Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Thể thao thành tích cao tiếp tục giữ vững thành tích ở các giải quốc gia và quốc tế, đồng thời phát triển thêm một số môn thể thao phù hợp với điều kiện của tỉnh. Triển khai đầu tư lắp đặt các phương tiện phục vụ luyện tập thể thao ngoài trời phục vụ cộng đồng.

5. Thông tin truyền thông và Khoa học công nghệ

- Về thông tin truyền thông:

- Triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 01/7/2014 về "Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế", gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội….

- Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng theo kế hoạch; tăng cường ứng dụng văn bản điện tử và chữ ký số trong chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp.

- Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho các loại hình thông tin báo chí theo hướng hiện đại. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa nội dung của các cơ quan báo chí, truyền thông. Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình của Chính phủ.

- Chú trọng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, kịp thời khắc phục các sự cố trên môi trường mạng.

- Phát triển bưu chính, viễn thông chất lượng cao, bảo đảm thỏa mãn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Về khoa học và công nghệ:

- Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại trong sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm sản phẩm từ kết quả nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ đổi mới, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong sản xuất các thiết bị; nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học công nghệ vào giá trị gia tăng của tỉnh các ngành, lĩnh vực sản xuất.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án khoa học công nghệ trọng điểm; tăng cường phổ biến, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tế góp phần tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh. Chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các ngành kinh tế, tạo sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

- Huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ theo hướng xã hội hóa, đơn đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án phát triển tài sản trí tuệ từ các văn bằng sáng chế, giải pháp hữu ích có tính ứng dụng cao.

*** NỘI CHÍNH**

1. Nội vụ, Tư pháp

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với các văn bản của Trung ương và sát với điều kiện thực tế của địa phương. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; trên cơ sở đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng thi tuyển, thi nâng ngạch công chức; rà soát, sửa đổi bổ sung các chế độ chính sách về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai tốt công tác cải cách hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm cải thiện môi trường thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đặc biệt là tại khu hành chính mở của Trung tâm hành chính tỉnh và bộ phận tiếp dân của UBND cấp huyện.

- Thực hiện nghiêm pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thành lập các đoàn công tác xem xét, rà soát trực tiếp các vụ, việc còn tồn đọng, kéo dài, phức tạp để có phương án giải quyết đúng pháp luật, thỏa đáng và chấm dứt theo chỉ đạo của Chính phủ.

2. Quốc phòng - An ninh

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu quả quản lý của Nhà nước, chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp củng cố quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Bố trí các công trình quốc phòng, an ninh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành.

- Xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện hoạt động để nâng cao tiềm lực quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, bảo đảm phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ huy được kịp thời, hiệu quả.

- Thường xuyên quan tâm, xây dựng cơ chế củng cố và phát triển lực lượng an ninh cơ sở tại địa phương; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn công cộng và môi trường. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, đưa công tác phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn xã hội. Đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa và tấn công trấn áp các loại tội phạm; đảm bảo tốt hơn về trật tự và an toàn công cộng, an toàn giao thông.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp đồng bộ, quyết liệt về tăng trưởng đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, kiềm chế tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông, xây dựng văn hóa giao thông.

3. Công tác đối ngoại

- Tích cực chủ động tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, tranh thủ khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm phục vụ phát triển kinh tế nhanh, bền vững; triển khai các giải pháp đồng bộ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động đối ngoại, công tác thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp phụ trợ và các ngành dịch vụ.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp trong tỉnh, đặc biệt chú trọng cho việc đầu tư vào Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị và Thành phố mới Bình Dương. Tập trung vào các thị trường tiềm năng và có trình độ quản lý và khoa học kỹ thuật cao như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Đông và các nước Châu Âu.

Duy trì và củng cố mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các Cơ quan đại diện ngoại giao các nước, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan ở Trung ương, địa phương và các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài nhằm đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại, mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Phần thứ ba:
MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách:

Xây dựng cơ chế thu hút và khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành nghề và quy định của pháp luật. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các cơ chế chính sách của tỉnh đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế; Đặc biệt là các cơ chế phân cấp, phân quyền; cơ chế huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển trên địa bàn.

Xây dựng cơ chế thiết thực nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất và bảo vệ môi trường. Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc tư vấn về các vấn đề liên quan đến lựa chọn công nghệ, chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh cơ chế cung cấp thông tin khoa học và công nghệ nói chung và liên quan đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh theo đúng quy định.

Thực hiện và thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chính sách thu hút nguồn nhân lực tỉnh phù hợp với thực tế. Xây dựng các chính sách, cơ chế thuê tư vấn, chuyên gia có trình độ cao thực hiện các công việc có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, xây dựng chính sách của tỉnh; đồng thời có chính sách ưu tiên đối với những cán bộ của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước.

Xây dựng các cơ chế, chính sách xã hội hóa trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông.

2. Nhóm giải pháp về vốn đầu tư

Thời kỳ 2016-2020: Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh là 485.000 tỷ đồng, tăng bình quân 11%/năm, chiếm 35% GRDP. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước chiếm 6,7% tổng vốn đầu tư; thu hút vốn đầu tư doanh nghiệp dân doanh chiếm 44,4% và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 40,9%, còn lại là các nguồn vốn khác.

Điều hành hiệu quả công tác thu - chi ngân sách để có nguồn lực đầu tư. Tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và khả năng cân đối vốn của các công trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 và hàng năm.

Quản lý chặt chẽ công tác phân bổ vốn, ưu tiên bố trí cho các công trình trọng điểm, quan trọng, ít có khả năng thu hồi vốn có đủ thủ tục theo quy định. Tập trung điều hành tuyệt đối không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Khắc phục tình trạng dàn trải, lãng phí, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công gắn với đảm bảo chất lượng công trình khi hoàn thành, đưa vào sử dụng.

Tăng cường trách nhiệm, năng lực quản lý, xây dựng kế hoạch và giám sát đầu tư công của các cơ quan quản lý. Từng bước triển khai công tác giám sát cộng đồng, huy động sự tham gia của các đối tượng thụ hưởng vào quá trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án. Rà soát sử dụng hiệu quả các nguồn vốn kết dư, vốn thưởng vượt thu và các nguồn vốn khác đưa vào đầu tư ở cấp huyện, cấp xã.

Xây dựng cơ chế, quy trình, danh mục dự án cụ thể để thu hút vốn từ các doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm về tài chính và chuyên môn tham gia đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) và các phương thức phù hợp khác. Xây dựng, công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm bằng nhiều hình thức đầu tư giai đoạn 2016 - 2020.

Rà soát, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn để mời gọi xã hội hóa các công trình trường học, bệnh viện, công trình văn hóa… Các huyện, thị, thành phố Thủ Dầu Một chủ động rà soát, quy hoạch quỹ đất thích hợp để xây dựng các cơ sở ngoài công lập phù hợp với định hướng phát triển xã hội hóa.

Huy động nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư để đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn và chỉnh trang đô thị.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, đảm bảo cung cấp đủ vốn tín dụng đầu tư phát triển cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ thông tin, tăng cường khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước triển khai thực hiện dự án sau đăng ký.

Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư FDI vào lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị, dịch vụ, logistics và các hạ tầng giáo dục, y tế chất lượng cao... thực hiện các hỗ trợ đầu tư về hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp.

3. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh

Tập trung thu hút và phát triển các ngành công nghiệp trên cơ sở chọn lọc gắn với tiềm năng phát triển và lợi thế so sánh của tỉnh, có tính cạnh tranh cao, phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực của Bình Dương trong thời gian tới.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên đoàn Doanh nghiệp tỉnh và các Hiệp hội ngành hàng để các doanh nghiệp có điều kiện thống nhất tiếng nói, liên kết sức mạnh trong việc nỗ lực bảo vệ và phát triển thị trường trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tăng cường đầu tư liên kết với các ngành công nghiệp phụ trợ để tăng dần tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của từng sản phẩm xuất khẩu.

Tổ chức các đoàn doanh nghiệp tham dự hội chợ (trong và ngoài nước), khảo sát thị trường… giúp các doanh nghiệp quảng bá và tiêu thụ hàng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường, gia tăng khách hàng. Đồng thời tham gia các chương trình hợp tác, liên kết giữa các tỉnh, thành phố giữa các vùng, miền nhằm tạo nguồn sản phẩm cho xuất khẩu.

Rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong công tác đăng ký kinh doanh. Triển khai thực hiện việc cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp qua mạng; phần mềm quản lý dự án đầu tư nước ngoài; xây dựng quy chế phối hợp quản lý dự án đầu tư nước ngoài với Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Singapore.

Nâng cấp trang thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, ban, ngành theo hướng: tạo điều kiện dễ dàng cho doanh nghiệp tiếp cận, truy xuất các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh, công khai danh mục và nội dung của các tài liệu quy hoạch, kế hoạch và các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt của tỉnh.

Các ngành, các cấp định kỳ tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ, lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, nhà đầu tư; đảm bảo cạnh tranh công bằng giữa các thành phần doanh nghiệp trong nền kinh tế.

4. Nhóm giải pháp về đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực

Hỗ trợ về cơ chế, chính sách để khuyến khích thành lập cơ sở đào tạo tại tỉnh. Giám sát chặt chẽ và ban hành các quy định để đảm bảo các cơ sở giáo dục tư sẽ cung cấp dịch vụ đạt chất lượng. Hợp tác giữa nhà nước và tư nhân trong đào tạo, dạy nghề.

Nâng cao tay nghề của lao động ở các vị trí hiện tại để tăng năng suất lao động. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các khóa đào tạo ngắn hạn cho lao động đang giữ các vị trí công việc hiện tại sẽ cho phép người lao động cải thiện kỹ năng và nâng cao năng suất.

Tạo điều kiện khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục để tăng thêm nguồn đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng ở các bậc học. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với người lao động và người sử dụng lao động; thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức về pháp luật lao động cho cán bộ công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp.

Tập trung thực hiện tốt hệ thống chính sách về lao động, người có công đảm bảo gắn phát triển kinh tế với công bằng xã hội; thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án phát triển an sinh xã hội.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với cơ sở bảo trợ xã hội, công tác xã hội, chăm sóc, điều dưỡng người có công; nghiên cứu, điều tra, rà soát và điều chỉnh chính sách nâng cao đời sống, khả năng hòa hợp cộng đồng của những người thiếu điều kiện phát triển.

5. Nhóm giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu

Không ngừng đổi mới, coi trọng khoa học công nghệ, trước hết tập trung vào các khâu trọng yếu, các chương trình phát triển và ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ. Xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ, chuẩn bị điều kiện để nối mạng với cả nước. Đẩy mạnh việc áp dụng và phát triển công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý.

Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng theo kế hoạch; chú trọng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, kịp thời khắc phục các sự cố trên môi trường mạng.

Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Hoàn thiện và đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật đất đai, tài nguyên, môi trường tại địa phương.

Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường; áp dụng công nghệ mới trong xử lý và tái chế chất thải; ứng dụng công nghệ sản xuất, xây dựng tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, năng lượng, ít chất thải, các-bon thấp.

Đôn đốc, kiểm tra các nhà đầu tư khu, cụm công nghiệp trong việc đầu tư xử lý, khắc phục có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường. Xây dựng chương trình ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu trên địa bàn tỉnh, giải quyết kịp thời các sự cố về môi trường.

6. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước

Tiếp tục triển khai tốt công tác cải cách hành chính. Rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động công vụ.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, mở rộng dân chủ trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện kiên quyết các biện pháp phòng ngừa và chống tham nhũng; Kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng, chống tham nhũng với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện có hiệu quả các nội dung của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

7. Nhóm giải pháp về xã hội hóa

Hàng năm, ngân sách tỉnh dành ra một khoản kinh phí để thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng giao đất sạch cho các tổ chức, cá nhân và nhà đầu tư thực hiện các dự án xã hội hóa theo Quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt mô hình liên doanh, liên kết giữa Bệnh viện với nhà đầu tư trong việc cung cấp các trang thiết bị hiện đại.

Tăng cường phát triển các loại hình cơ sở giáo dục ngoài công lập đối với khối mầm non, phát triển các trường tư thục chất lượng cao, các trường có yếu tố quốc tế, đặc biệt ở khu vực thành thị, vùng có đủ điều kiện thích hợp. Triển khai thực hiện cổ phần hóa một số các cơ sở đào tạo. Mở rộng tổ chức các quỹ khuyến học, hình thành quỹ học bổng, khuyến tài, bảo trợ giáo dục, khuyến khích các cá nhân và tổ chức đóng góp vào sự phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh.

Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao gắn với các doanh nghiệp trên địa bàn; huy động nguồn lực của nhân dân để tu bổ tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử của địa phương; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh.

Tăng cường vận động các nhà hảo tâm, khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia tài trợ các chương trình an sinh xã hội của tỉnh.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 phải được tổ chức quán triệt sâu rộng trong các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, đồng thời phải chú ý tuyên truyền tới nhân dân, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia để thực hiện tốt nhiệm vụ đã đề ra.

2. Nâng cao năng lực điều hành, cải tiến phương pháp chỉ đạo điều hành. Lựa chọn những vấn đề cấp bách, thiết thực có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để ưu tiên chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện các cấp, các ngành ngành phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển để xây dựng cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình, dự án để triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, tập trung giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm